**PHỤ LỤC SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ VTRI**

| **STT** | **ĐIỀU LỆ VTRI HIỆN HÀNH** | **DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG** | **CĂN CỨ** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **CHƯƠNG I**  **ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ** | | |
| 1 | **Điều 1. Định nghĩa và các thuật ngữ trong Điều lệ**  1.1. “Viện”: “CÔNG TY CỔ PHẦN – VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY”;  - Tên giao dịch quốc tế: VIETNAM TEXTILE RESEARCH INSTITUTE JOINT STOCK COMPANY (VTIR);  1.6. “Người quản lý doanh nghiệp”: Là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ này;  1.10 “Cổ đông”: Mọi cá nhân hay tổ chức được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của VTRI; hoặc một hồ sơ, tài liệu tương tự theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán khi VTRI thực hiện đăng ký lưu ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;  1.13 “Người đại diện theo ủy quyền”: Người được Cổ đông là tổ chức ủy quyền bằng văn bản hoặc ủy quyền hợp pháp để thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật;  1.16 “Quy chế quản trị nội bộ” là quy chế nội bộ về quản trị công ty của VTRI, được xác lập theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; | **Điều 1. Định nghĩa và các thuật ngữ trong Điều lệ**  1.1. Bỏ nội dung “- Tên giao dịch quốc tế: VIETNAM TEXTILE RESEARCH INSTITUTE JOINT STOCK COMPANY (VTIR);”  1.6. “Người quản lý doanh nghiệp”: Là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc chi nhánh và Kế toán trưởng VTRI;  1.10 “Cổ đông”: Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của VTRI và được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của VTRI;  1.13 “Người đại diện theo ủy quyền”: Là cá nhân được Cổ đông là tổ chức ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.  1.16 “Các quy chế nội bộ” là hệ thống quy chế, quy trình nội bộ của VTRI; | Trùng với điểm c khoản 1 Điều 2.  Cụ thể “cá nhân giữ chức danh quản lý khác”  Khoản 3 Điều 4 Luật DN 2020  Khoản 1 Điều 14 Luật DN 2020  VTRI đã được hủy tư cách đại chúng từ ngày 04/4/2022. |
| 2 | **Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, Người đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của VTRI**  3. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của VTRI (*Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp và Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Điều 12 và 13 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14*). | **Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, Người đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của VTRI**  3. Người đại diện theo pháp luật của VTRI là Tổng giám đốc. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp và Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Điều 12 và 13 của Luật Doanh nghiệp | Thay đổi là người đại diện theo pháp luật từ Chủ tịch Hội đồng quản trị sang Tổng Giám đốc để phù hợp với mô hình hoạt động của VTRI |
| 3 | **Điều 3. Hình thức tổ chức và tư cách pháp nhân** | Bỏ | Do quy định pháp luật, không cần đưa vào Điều lệ |
| 4 | **Điều 4. Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động của VTRI** | **Điều 3. Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động của VTRI** |  |
|  | **CHƯƠNG II**  **VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CỔ PHẦN** | | |
| 5 | **Điều 5. Vốn điều lệ và cổ phần**  5. Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong VTRI, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quy định khác. VTRI phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý *(không ít hơn hai mươi mốt (21) ngày hoặc thời hạn theo quy định của Pháp luật*), để Cổ đông đặt mua. Mọi cổ phần không được đặt mua theo thông báo chào bán sẽ chịu sự kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối các quyền chọn mua các cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông, trừ khi các Cổ đông chấp thuận khác đi hoặc trong trường hợp cổ phần được bán đấu giá tại Sở Giao dịch Chứng khoán.  9. Cơ cấu Vốn điều lệ   |  |  |  | | --- | --- | --- | | *Vốn điều lệ của công ty* | *Số cổ phần* | *Tỷ lệ %* | | 1. Cổ phần Nhà nước | 2.872.700 | 57,454 | | 2. Nhà đầu tư khác | 2127.300 | 42,546 | | Tổng cộng | 5.000.000 | 100 | | **Điều 4. Vốn điều lệ và cổ phần**  5. Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong VTRI, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quy định khác. VTRI phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và ***thời hạn chào bán theo quy định của pháp luật***. Mọi cổ phần không được đặt mua theo thông báo chào bán sẽ chịu sự kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối các quyền chọn mua các cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông, trừ khi các Cổ đông chấp thuận khác ***hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác***.  Bỏ khoản 9 | Điều chỉnh câu chữ phù hợp với khoản 3 Điều 124 Luật Doanh nghiệp.  Trường hợp tỷ lệ sở hữu của các cổ đông tổ chức thay đổi thì không phải sửa Điều lệ. |
| 6 | **Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu**  1. Cổ phiếu là chứng chỉ do VTRI phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của VTRI. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.  2. Riêng đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi (nếu có) của VTRI còn có các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Doanh nghiệp.  3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này, Cổ đông của VTRI được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của VTRI hoặc ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của VTRI, Cổ đông không phải trả cho VTRI chi phí in chứng nhận cổ phiếu.  4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong một chứng chỉ cổ phiếu thì chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và một chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.  5. Nếu một chứng chỉ cổ phiếu bị rách, hoặc bị tẩy xóa, hoặc bị mất, hoặc bị tiêu hủy thì một chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần tương ứng sẽ được cấp cho người sở hữu cổ phần theo yêu cầu của người đó với điều kiện phải chứng minh được (trong trường hợp chứng chỉ cũ bị mất hoặc bị tiêu hủy) và thanh toán các chi phí cho VTRI theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.  6. Tất cả các mẫu chứng chỉ cổ phiếu hoặc trái phiếu hoặc các chứng khoán khác của VTRI (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), trừ trường hợp Pháp luật liên quan đến các chứng chỉ có quy định khác, sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của Người đại diện theo pháp luật của VTRI.  7. Trong khuôn khổ các quy định của Pháp luật và thị trường chứng khoán, VTRI có thể phát hành cổ phần không theo hình thức chứng chỉ và cho phép các cổ phần này được chuyển nhượng; hoặc tùy từng thời điểm Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định khác thay thế cho các quy định tại Điều này về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần. | **Điều 5. Chứng nhận cổ phiếu, chứng chỉ chứng khoán khác**  1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.  2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.  3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc thời hạn theo điều khoản phát hành của phương án phát hành cổ phiếu của VTRI, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.  4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:  4.1. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;  4.2. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.  5. Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty. | Sửa đổi theo quy định về chứng nhận cổ phiếu theo Điều lệ mẫu công ty đại chúng tại Thông tư 116/2020/TT-BTC.  Điều chỉnh đối với các loại chứng chỉ chứng khoán khác. |
| 7 | **Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần**  1. Tất cả các cổ phần phổ thông được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này và và Pháp luật có quy định khác. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông của VTRI. Cổ phiếu đăng ký giao dịch/niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. | **Điều 6. Chuyển nhượng cổ phần**  1. Tất cả các cổ phần phổ thông được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này và và Pháp luật có quy định khác. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông của VTRI. | Bỏ quy định về niêm yết, do VTRI không còn là công ty đại chúng. |
| 8 | **Điều 8. Thừa kế cổ phần** | **Điều 7. Thừa kế cổ phần** |  |
| 9 | **Điều 9. Thu hồi cổ phần** | **Điều 8. Thu hồi cổ phần** |  |
| 10 | **Điều 10. Chào bán trái phiếu riêng lẻ**  1. Công ty cổ phần có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.  2. Công ty không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đó sẽ không được quyền phát hành trái phiếu, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.  3. Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi quy định tại khoản 2 Điều này.  4. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác thì Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.  5. Trường hợp công ty cổ phần phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần. | Bỏ | Đã quy định trong Luật Doanh nghiệp. |
| 11 | **Điều 11. Mua cổ phần, trái phiếu**  Cổ phần, trái phiếu của công ty cổ phần có thể được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty và phải được thanh toán đủ một lần. |
| 12 | **Điều 12. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông**  1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.  2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. |
| 13 | **Điều 13. Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty**  Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:  1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;  2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;  3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty.  Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác (*của cổ đông là cá nhân*); tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính (*của cổ đông là tổ chức*); số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên. |
|  | **CHƯƠNG III**  **CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ** | | |
| 14 | Điều 14. Cơ cấu tổ chức quản lý  Cơ cấu tổ chức quản lý của VTRI bao gồm:  1. Đại hội đồng cổ đông;  2. Hội đồng quản trị;  3. Ban kiểm soát;  4. Ban Giám đốc Công ty;  5. Các Phòng Ban chuyên môn, nghiệp vụ, Xưởng Thực nghiệm | **Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý**  Cơ cấu tổ chức quản lý của VTRI bao gồm:  1. Đại hội đồng cổ đông;  2. Hội đồng quản trị;  3. Ban kiểm soát;  4. Tổng Giám đốc Công ty. | Thay đổi chức danh “Giám đốc” thành “Tổng Giám đốc”  Điều chỉnh cơ cấu tổ chức quản lý theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp |
| 15 | **CHƯƠNG IV**  **LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG**  **Điều 15. Lao động và tuyển dụng lao động**  Việc tuyển dụng, sử dụng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động thực hiện theo Bộ Luật Lao động; Thỏa ước lao động tập thể và Hợp đồng lao động đã ký giữa Giám đốc Công ty với người lao động không trái với quy định pháp luật hiện hành và quy chế của công ty.  Giám đốc Công ty có quyền tuyển dụng hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty và phù hợp với quy định của Bộ Luật Lao động, quy định của công ty không trái với quy định pháp luật hiện hành.  **Điều 16. Tiền lương**  Quyền lợi:Người lao động trong Công ty cổ phần được hưởng quyền lợi theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật về lao động.  **Điều 17. Quyền lợi và trách nhiệm của người lao động**  1. Quyền lợi:Người lao động trong Công ty cổ phần được hưởng quyền lợi theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật về lao động.  Người lao động được hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Khen thưởng và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.  2. Trách nhiệm:Người lao động phải hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có nghĩa vụ chấp hành Điều lệ, Nội quy lao động hợp pháp của Công ty đã đăng ký tại cơ quan quản lý lao động địa phương theo quy định của pháp luật lao động và các quy chế của Công ty phù hợp với quy định pháp luật có liên quan trực tiếp đến nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động. Đối với những người vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất, Giám đốc Công ty có quyền xử lý vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất theo Nội quy lao động của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật. | Bỏ Chương này | Quy định tại quy chế tiền lương, quy chế tuyển dụng và thỏa ước lao động tập thể (nếu có). |
| 16 | **CHƯƠNG V**  **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY**  **Điều 18. Quyền của Công ty trong hoạt động Khoa học Công nghệ và Đào tạo**  Tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ đã đăng ký; ký kết hợp đồng khoa học công nghệ; đào tạo nguồn nhân lực về khoa học công nghệ;  2. Thành lập các Tổ chức nghiên cứu, phát triển khoa học & công nghệ, các cơ sở đào tạo theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Giáo dục và các quy định khác của pháp luật;  3. Công ty được tham gia tuyển chọn hoặc được giao chủ trì các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp Bộ, cấp Nhà nước và các dự án thuộc các chương trình kinh tế - kỹ thuật của Nhà nước. Công ty được tổ chức đào tạo, phối hợp với các cơ sở đào tạo trong lĩnh vực dệt may theo quy định của pháp luật.  4. Công ty được Nhà nước cho phép áp dụng một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ trong việc sử dụng các Phòng thí nghiệm chuyên ngành, tài sản kết quả khoa học công nghệ để phục vụ công tác nghiên cứu khoa học công nghệ và đào tạo, cụ thể gồm:  4.1 Thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ, nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm, nhiệm vụ khoa học công nghệ phục vụ lợi ích chung của xã hội;  4.2 Đào tạo, đào tạo lại nhân lực về khoa học công nghệ ở trong nước và ở nước ngoài; đào tạo, bồi dưỡng nhân tài, những người có trình độ cao, kỹ thuật viên lành nghề;   * 1. Duy trì và phát triển tiềm lực khoa học công nghệ của Công ty;   4.4 Xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ công tác nghiên cứu khoa học công nghệ và đào tạo của Công ty;  4.5 Đầu tư phát triển khoa học công nghệ nhằm đổi mới công nghệ và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm.  5. Hợp tác, liên doanh, nhận tài trợ của tổ chức, cá nhân; góp vốn bằng tiền, tài sản, giá trị quyền sở hữu trí tuệ để tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ và sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật;  6. Được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; chuyển giao, chuyển nhượng kết quả hoạt động khoa học công nghệ theo quy định của pháp luật;  7. Được hưởng chế độ ưu đãi về thuế, tín dụng và các ưu đãi khác khi ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ để đổi mới công nghệ và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm theo Luật Khoa học và Công nghệ;  8. Được thành lập Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ phù hợp với Luật Khoa học và Công nghệ và Nghị định của Chính phủ về Doanh nghiệp khoa học và công nghệ.  9. Phát triển hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ:  9.1 Được phép mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ với các tổ chức, cá nhân nước ngoài, các tổ chức quốc tế, theo quy định của pháp luật, đảm bảo nguyên tắc độc lập, chủ quyền quốc gia, bình đẳng và cùng có lợi;  9.2 Được nhận tài trợ, tham gia tổ chức khoa học công nghệ, hội thảo khoa học công nghệ, tham gia hoạt động tư vấn, đào tạo, nghiên cứu, hội nghị khoa học công nghệ của các tổ chức quốc tế, tổ chức cá nhân nước ngoài; hợp tác thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ của Việt Nam ở nước ngoài.  10. Công bố kết quả hoạt động khoa học công nghệ theo quy định của Luật báo chí, Luật xuất bản và các quy định khác của pháp luật;  11. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.  **Điều 19. Nghĩa vụ của Công ty trong hoạt động khoa học công nghệ và đào tạo**  1. Nghiên cứu phát triển và ứng dụng các công nghệ mới, vào các sản phẩm của ngành dệt may, nhằm tạo khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước, khu vực và quốc tế;  2. Thực hiện hợp đồng khoa học công nghệ đã ký kết, nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đăng ký và do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao; sử dụng có hiệu quả kinh phí đầu tư phát triển khoa học và công nghệ và chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước;  3. Góp phần xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước;  4. Đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực về khoa học công nghệ trong nước;  5. Bảo vệ lợi ích của đất nước và xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân hoạt động khoa học công nghệ trong Công ty; giữ bí mật khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật;  6. Thực hiện dân chủ, bình đẳng, công khai trong việc bố trí và thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ;  7. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.  **Điều 20. Các quyền cơ bản của công ty**  1. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp;  2. Lựa chọn ngành nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất và ngành nghề kinh doanh;  3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng;  4. Lựa chọn hình thức và cách huy động vốn;  5. Kinh doanh xuất khẩu và nhập khẩu;  6. Tuyển, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh;  7. Tự chủ kinh doanh, áp dụng phương thức quản lý khoa học, hiện đại để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh;  8. Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kì cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích;  9. Phát hành cổ phiếu và trái phiếu theo quy định tại Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật;  10. Các quyền khác quy định tại Điều lệ này hoặc được pháp luật quy định.  **Điều 21. Quyền quản lý và sử dụng các nguồn lực của công ty**  1. Công ty có quyền quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác thuộc quyền quản lý sở hữu của Công ty; quyền sử dụng đất của công ty (*sau đây gọi tắt là các nguồn lực của công ty*) theo quy định của pháp luật để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của công ty.  2. Công ty có quyền phân, giao lại và điều chỉnh những nguồn lực đã phân, giao cho các đơn vị thành viên trong trường hợp cần thiết, phù hợp với kế hoạch phát triển chung của toàn công ty.  3. Công ty có quyền đầu tư, liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.  4. Công ty có quyền chuyển nhượng, thay thế, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền sở hữu của công ty. Đối với đất đai của công ty thuộc quyền sử dụng của công ty thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.  **Điều 22. Quyền tổ chức quản lý, tổ chức hoạt động kinh doanh**  Công ty có quyền tổ chức quản lý, tổ chức điều hành các hoạt động kinh doanh tại công ty như sau:  1. Tổ chức bộ máy quản lý, bố trí sử dụng lao động, tổ chức hoạt động kinh doanh, xuất - nhập khẩu phù hợp với các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;  2. Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phù hợp trình độ, năng lực sản xuất và quản lý;  3. Đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty ở trong nước và ở ngoài nước theo quy định của pháp luật;  4. Mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh theo khả năng của công ty và nhu cầu của thị trường;  5. Tổ chức mở rộng kinh doanh những ngành nghề khác nếu Hội đồng quản trị xét thấy có lợi cho Công ty và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép bổ sung;  6. Mời và tiếp đối tác kinh doanh nước ngoài đến làm việc với công ty ở Việt Nam theo quy định về tiếp khách của công ty và phù hợp với quy định của pháp luật;  7. Quyết định cử người của công ty ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan khảo sát phù hợp với quy định của pháp luật.  **Điều 23. Quyền quản lý tài chính**  Công ty có quyền quản lý tài chính như sau:  1. Được sử dụng vốn và các quỹ của công ty để phục vụ các nhu cầu kinh doanh đảm bảo hiệu quả. Trường hợp cần sử dụng các nguồn vốn, quỹ khác trái với mục đích sử dụng thì phải tuân theo nguyên tắc hoàn trả.  2. Tự huy động vốn để hoạt động kinh doanh nhưng không làm thay đổi hình thức sở hữu; được phát hành trái phiếu và cổ phiếu 3. Được hưởng các chế độ trợ cấp, trợ giá, chế độ ưu đãi đầu tư hoặc tái đầu tư hoặc các chế độ ưu đãi khác theo quy định của Nhà nước;  4. Được thành lập, quản lý và sử dụng các quỹ tập trung theo quy định tại Điều lệ này và Quy chế tài chính Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.  **Điều 24. Các nghĩa vụ cơ bản của công ty**  1. Hoạt động kinh doanh theo đúng các ngành nghề đã đăng ký;  2. Lập chứng từ kế toán, sổ kế toán và lập báo cáo tài chính đảm bảo chính xác, trung thực, kịp thời;  3. Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;  4. Bảo đảm chất lượng hàng hoá theo tiêu chuẩn đã đăng ký;  5. Kê khai và định kỳ báo cáo chính xác, đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh;  6. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, đảm bảo quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; tôn trọng quyền của tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác theo quy định của pháp luật;  7. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh;  8. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và của pháp luật hiện hành.  **Điều 25. Nghĩa vụ quản lý và sử dụng các nguồn lực**  1. Công ty có nghĩa vụ sử dụng có hiệu quả, bảo toàn, phát triển vốn điều lệ của Công ty, bao gồm cả phần vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác, liên doanh; sử dụng có hiệu quả các nguồn lực khác của công ty để thực hiện mục tiêu kinh doanh và những nhiệm vụ khác được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị quyết định;  2. Công ty có nghĩa vụ thực hiện:  2.1 Các khoản nợ phải thu, phải trả ghi trong Bảng cân đối kế toán của công ty tại thời điểm cổ phần hóa công ty;  2.2 Trả các khoản tín dụng mà công ty đang sử dụng;  2.3 Sử dụng và sắp xếp, đào tạo lại số lao động hiện đang làm việc tại công ty hoặc tuyển dụng thêm tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần cho phù hợp với kế hoạch kinh doanh và quy định của Pháp luật hiện hành.  **Điều 26. Các nghĩa vụ khác**  Công ty có nghĩa vụ công bố công khai báo cáo tài chính hàng năm, các thông tin để đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của công ty theo quy định của pháp luật và của Đại hội đồng cổ đông. | Bỏ Chương này | Được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Giấy chứng nhận doanh nghiệp KHCN của VTRI. |
|  | **CHƯƠNG VI**  **CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VTRI** | | |
| 17 | **Điều 27. Quyền hạn của Cổ đông**  1. Cổ đông là những người chủ sở hữu VTRI và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. VTRI không có cổ đông sáng lập. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của VTRI trong phạm vi các cổ phần mà Cổ đông đó sở hữu  2. Người sở hữu cổ phần phổ thông có các quyền sau:  2.1 Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua Người được ủy quyền dự họp hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; Mỗi cổ phần có một phiếu biểu quyết;  2.2 Nhận cổ tức với mức quy định của Đại hội đồng cổ đông;  2.3 Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ và Pháp luật hiện hành;  2.4 Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;  2.5 Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến Cổ đông trong Danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;  2.6 Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;  2.7 Trường hợp VTRI giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần đã góp vào VTRI sau khi VTRI đã thanh toán cho chủ nợ và các Cổ đông sở hữu loại cổ phần khác của VTRI theo quy định của Pháp luật;  2.8 Yêu cầu VTRI mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp;  2.9 Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật;  2.10 Người sở hữu cổ phần ưu đãi mua thêm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Quyết định 22/2015/QĐ-CP có các quyền như người sở hữu các cổ phần phổ thông.  Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì phải bán lại cho VTRI toàn bộ số cổ phần đã được mua thêm với giá sát với giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm cổ phần hóa. Khi VTRI thực hiện quyền mua lại, Hội đồng quản trị có quyền quyết định các vấn đề có liên quan thay mặt VTRI. Nếu người lao động đó không thực hiện việc chuyển nhượng lại cho VTRI thì VTRI tự làm thủ tục và thông báo cho Cổ đông đó đến nhận tiền. Số cổ phần mua lại trong trường hợp này được coi là cổ phần thu về và được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có quyền quyết định tái phân phối những cổ phần này cho nhân viên VTRI với cùng mục đích ưu đãi, hoặc bán ra thị trường, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp.  3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ năm (5)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền như sau  3.1 Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ này;  3.2 Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp:  3.3 Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;  3.4 Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các Cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;  3.5 Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của VTRI khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản, phải có: họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của VTRI; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;  3.6 Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp; | **Điều 10. Quyền hạn của Cổ đông**  1. Cổ đông là những người chủ sở hữu VTRI và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của VTRI trong phạm vi các cổ phần mà Cổ đông đó sở hữu.  2. Người sở hữu cổ phần phổ thông có các quyền sau:  2.1. Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua Người được ủy quyền dự họp hoặc thực hiện quyền biểu quyết bằng cách gửi phiếu biểu quyết thông qua đường bưu chính hoặc biểu quyết tại hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Mỗi cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết;  2.2. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;  2.3. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;  2.4. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;  2.5. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên, địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;  2.6. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;  2.7. Trường hợp VTRI giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần đã góp vào VTRI sau khi VTRI đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của VTRI theo quy định của Pháp luật;  2.8. Yêu cầu VTRI mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;  2.9. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp VTRI có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho Cổ đông;  2.10 Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do VTRI công bố theo quy định của pháp luật;  2.11. Được bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, huỷ bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;  2.12. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.  3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ năm (05)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền như sau:  3.1. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:  a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của Người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;  b) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.  Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của VTRI; căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.  Kèm theo yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.  3.2. Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và các tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của VTRI;  3.3. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích lục danh sách các Cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;  3.4. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của VTRI khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của VTRI; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;  3.5. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông;  3.6. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.  4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ mười (10)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thực hiện như sau:  4.1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu:  a) Từ mười (10)% đến dưới hai mươi (20)% được quyền đề cử tối đa một (01) ứng viên;  b) Từ hai mươi (20)% đến dưới ba mươi (30)% được quyền đề cử tối đa hai (02) ứng viên;  c) Từ ba mươi (30)% đến dưới bốn mươi (40)% được quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên;  d) Từ bốn mươi (40)% đến dưới năm mươi (50)% được quyền đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;  đ) Từ năm mươi (50)% đến dưới sáu mươi (60)% được quyền đề cử tối đa năm (05) ứng viên;  e) Từ sáu mươi (60)% đến dưới bảy mươi (70)% được quyền đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;  f) Từ bảy mươi (70)% đến dưới tám mươi (80)% được quyền đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;  g) Từ tám mươi (80)% đến dưới chín mươi (90)% được quyền đề cử tối đa tám (08) ứng viên.  4.2. Trường hợp số lượng ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát do Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử không đủ số lượng ứng viên cần thiết, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.  4.3. Trình tự, thủ tục bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên được quy định chi tiết trong Quy chế quản trị VTRI và Quy chế bầu cử được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. | Sửa đổi theo quy định tại Điều 115 Luật Doanh nghiệp |
| 17 | **Điều 28. Nghĩa vụ của Cổ đông**  1. Các Cổ đông có các nghĩa vụ sau:  1.1 Tuân thủ Điều lệ này và các quy chế quản trị nội bộ của VTRI; chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Hội đồng quản trị;  1.2 Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của VTRI trong phạm vi số vốn đã góp vào VTRI. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi VTRI dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được VTRI hoặc người khác mua lại cổ phần;  1.3 Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và phải thông báo ngay cho VTRI khi có bất cứ thay đổi nào đối với các thông tin đã đăng ký;  1.4 Hoàn thành các nghĩa vụ khác do Pháp luật quy định;  1.5 Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh VTRI dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:  a. Vi phạm Pháp luật;  b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;  c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với VTRI;  d. Chịu trách nhiệm cá nhân về chi phí khi trực tiếp hoặc tham gia yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông với lý do, nguyên nhân không phù hợp.  1.6 Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật. | **Điều 11. Nghĩa vụ của Cổ đông**  Các Cổ đông có các nghĩa vụ sau:  1. Tuân thủ Điều lệ này và quy chế quản lý nội bộ của VTRI; chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.  2. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi VTRI dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được VTRI hoặc người khác mua lại cổ phần.  3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và phải thông báo ngay cho VTRI khi có bất cứ thay đổi nào đối với các thông tin đã đăng ký.  4. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác  5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh VTRI dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:  5.1. Vi phạm pháp luật;  5.2. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.  6. Chịu trách nhiệm cá nhân về chi phí khi trực tiếp hoặc tham gia yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông với lý do, nguyên nhân không phù hợp.  7. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật. | Điều chỉnh theo quy định tại Điều 119 Luật Doanh nghiệp |
| 18 | **Điều 29. Đại hội đồng cổ đông**  1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VTRI. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và phải họp trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính; hoặc có thể được gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.  2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm họp phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được Pháp luật và Điều lệ này quy định, đặc biệt là thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự Đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.  3. Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:  3.1 Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của VTRI. Việc triệu tập là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của VTRI và Hội đồng quản trị cũng nhận thấy như vậy;  3.2 Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu giảm ít nhất một nửa số vốn;  3.3 Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà Pháp luật quy định;  3.4 Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản. Yêu cầu triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các Cổ đông liên quan (*văn bản yêu cầu có thể được lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các Cổ đông có liên quan*);  3.5 Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng bất kỳ Người quản lý nào vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình; Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.  3.6 Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.  4. Trách nhiệm triệu tập cuộc họp bất thường của Đại hội đồng cổ đông:  4.1 Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên được quy định tại điểm 3.3 khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu nêu tại điểm 3.4 và 3.5 khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với VTRI.  4.2 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp nêu trên, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát sẽ phải thay Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với VTRI.  4.3 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu nêu tại điểm (d) khoản 3 của Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.  4.4 Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do VTRI trả. Những phí tổn này sẽ không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.  4.5 Người triệu tập phải lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Pháp luật.  Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông  1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:  1.1 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm;  1.2 Báo cáo của Ban kiểm soát;  1.3 Báo cáo của Hội đồng quản trị;  1.4 Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của VTRI;  1.5 Phân phối lợi nhuận và mức cổ tức đối với cổ phần từng loại.  2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau:  2.1 Phê chuẩn các báo cáo tài chính hàng năm;  2.2 Phân phối lợi nhuận;  2.3 Mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó với điều kiện là mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;  2.4 Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;  2.5 Lựa chọn các tổ chức kiểm toán độc lập;  2.6 Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Ban Lãnh đạo Viện;  2.7 Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;  2.8 Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;  2.9 Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi VTRI;  2.10 Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) VTRI và chỉ định người thanh lý;  2.11 Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho VTRI và các Cổ đông của VTRI;  2.12 Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản của VTRI được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất được kiểm toán;  2.13 VTRI mua hoặc mua lại hơn mười (10)% một loại cổ phần phát hành;  2.14 VTRI ký kết hợp đồng và giao dịch với những người được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị hợp đồng, giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn Ba mươi lăm (35)% hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của VTRI tính theo báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;  2.15 Phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;  2.16 Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của Cổ đông chiến lược;  2.17 Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này, các quy chế khác của VTRI và quy định của Pháp luật có liên quan  2.18 Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.  3. Cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua:  3.1 Các hợp đồng quy định tại điểm 2.14 khoản 2 Điều này nếu Cổ đông đó hoặc Người có liên quan của Cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc  3.2 Việc mua lại cổ phần của Cổ đông đó hoặc của bất kỳ Người có liên quan nào của Cổ đông đó, trừ trường hợp mua lại cổ phần theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các Cổ đông theo khoản 3 Điều 133 Luật Doanh nghiệp.  3.3 Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp. | **Điều 12. Đại hội đồng cổ đông**  1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VTRI. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và phải họp trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính; hoặc có thể được gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.  Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.  2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:  2.1. Thông qua định hướng phát triển của công ty;  2.2. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;  2.3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;  2.4. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của công ty;  2.5. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;  2.6. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;  2.7. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;  2.8. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;  2.9. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;  2.10. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;  2.11. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;  2.12. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;  2.13. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.  3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:  3.1. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;  3.2. Báo cáo tài chính hằng năm;  3.3. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;  3.4. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;  3.5. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;  3.6. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;  3.7. Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.  4. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:  4.1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;  4.2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;  4.3. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ này;  4.4. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;  4.5. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.  5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm 4.2 khoản 4 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm 4.3 và điểm 4.4 khoản 4 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.  6. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.  7. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.  8. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại. | Quy định theo Điều 138, 139 và khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp |
| 19 | **Điều 31. Các đại diện được ủy quyền**  1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự, uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.  2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:  2.1 Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;  2.2 Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;  2.3 Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.  Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.  3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:  Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;  Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;  3.3 Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;  Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.  4. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).  5. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:  5.1 Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;  5.2 Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;  5.3 Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.  Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại. | **Điều 13. Người đại diện theo ủy quyền**  1. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số Người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định pháp luật. Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất mười (10)% tổng số cổ phần phổ thông có thể cử tối đa ba (03) Người đại diện theo ủy quyền. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi Người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến VTRI trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:  1.1. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông;  1.2. Số lượng cổ phần, loại cổ phần;  1.3. Số lượng, họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của Người đại diện theo ủy quyền;  1.4. Số cổ phần và tỷ lệ cổ phần được ủy quyền của mỗi Người đại diện theo ủy quyền;  1.5. Thời hạn ủy quyền ương ứng của từng Người đại diện theo ủy quyền (ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền);  1.6. Họ, tên, chữ ký của Người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của Cổ đông.  2. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là Cổ đông.  3. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và nêu rõ tên Cổ đông ủy quyền; tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền; số lượng cổ phần và tỷ lệ cổ phần được quyền; nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.  4. Giá trị của phiếu biểu quyết của Người được ủy quyền trong phạm vi được ủy quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi người ủy quyền:  a) Chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;  b) Hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;  c) Hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.  Tuy nhiên, khoản này sẽ không áp dụng nếu VTRI nhận được thông báo bằng văn bản về một trong ba trường hợp nêu trên chậm nhất bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.  5. Mọi hạn chế của Cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Cổ đông tương ứng tại Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba. | Theo quy định tại Điều 14 Luật Doanh nghiệp |
| 20 | **Điều 32. Thay đổi các quyền**  1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được các Cổ đông sở hữu ít nhất sáu mươi lăm (65)% số cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được các Cổ đông sở hữu ít nhất bảy mươi lăm (75)% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua, riêng các Cổ đông có cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ đông sở hữu một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) Cổ đông (*hoặc Người đại diện theo ủy quyền/Người được ủy quyền dự họp của họ*) và sở hữu tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người sở hữu cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người đại diện theo ủy quyền/Người được ủy quyền dự họp đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi nêu trên, những người sở hữu cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua Người đại diện theo ủy quyền/Người được ủy quyền dự họp có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.  2. Không trái với các quy định tại khoản 1 Điều này, thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt quy định tại Điều này được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 34, 35, 36, 37, 38 và 39 của Điều lệ này.  3. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác, các quyền đặc biệt liên quan đến việc chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của VTRI gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi sẽ không bị thay đổi vì việc phát hành thêm các cổ phần cùng loại. | **Điều 14. Thay đổi các quyền**  1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi (nếu có) có hiệu lực khi được số Cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm (65)% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu số Cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm (75)% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm (75)% tổng số cổ phần ưu đãi cùng loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.  2. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) Cổ đông (hoặc Người đại diện theo ủy quyền/Người được ủy quyền dự họp của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người đại diện theo ủy quyền/Người được ủy quyền dự họp đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua Người đại diện theo ủy quyền/Người được ủy quyền dự họp có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.  2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt quy định tại Điều này được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 16, 17 và 18 của Điều lệ này.  3. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của VTRI gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi sẽ không bị thay đổi vì việc phát hành thêm các cổ phần cùng loại. | Điều chỉnh nội dung theo quy định về Thay đổi các quyền tại Điều lệ mẫu công ty đại chúng tại Thông tư 116/2020/TT-BTC. |
| 21 | **Điều 33. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông**  Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trừ các trường hợp quy định tại điểm 4.2 và 4.3 khoản 4 Điều 29 của Điều lệ này.  2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:  2.1 Lập danh sách các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.  2.2 Lập chương trình và nội dung cuộc họp;  2.3 Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;  2.4 Lập chương trình và nội dung cuộc họp;  2.5 Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp.  2.6 Dự thảo nghị quyết của Đại hội cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;  3. Mời họp Đại hội đồng cổ đông:  3.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các Cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập của Cổ đông là tổ chức; tên, địa chỉ thường trú của Cổ đông là cá nhân; thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.  3.2 Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của Cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của VTRI, công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (*trường hợp công ty niêm yết/đăng ký giao dịch*).  3.3 Các tài liệu kèm theo thông báo mời họp (*chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp, mẫu chỉ định Người được ủy quyền dự họp,…)* được đăng tải trên trang thông tin điện tử của VTRI.  3.4 Thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu quy định tại điểm 3.3 khoản này và VTRI phải gửi tài liệu họp cho Cổ đông nếu Cổ đông yêu cầu.  4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 27 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được lập bằng văn bản và phải được gửi cho VTRI ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó sở hữu và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.  5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 của Điều này nếu:  5.1 Đề xuất không được gửi đúng thời hạn;  5.2 Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không sở hữu đủ ít nhất năm (05)% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục sáu (06) tháng trở lên;  5.3 Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết;  5.4 Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua các nghị quyết.  6. Đối với các vấn đề trong chương trình họp, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết.  7. Trường hợp tất cả Cổ đông đại diện một trăm (100)% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua Người đại diện theo ủy quyền hoặc Người được ủy quyền dự họp tại Đại hội đồng cổ đông thì những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều hợp lệ kể cả trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập một cách không đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình. | **Điều 15. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo**  1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:  1.1. Chuẩn bị danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông (danh sách được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông), chương trình họp và các tài liệu phù hợp với pháp luật và các quy định của VTRI;  1.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;  1.3. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;  1.4. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;  1.5. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp;  1.6. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp;  1.7. Các công việc khác phục vụ đại hội.  2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức gửi thư thông qua đường bưu chính, gửi thư điện tử (email), gửi tin nhắn điện thoại, fax và/hoặc bằng phương thức liên lạc khác để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ đông đã đăng ký; đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của VTRI. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các Cổ đông trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của VTRI. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ đông có thể tiếp cận và VTRI phải gửi tài liệu họp cho Cổ đông nếu Cổ đông yêu cầu. Các tài liệu họp bao gồm:  2.1. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;  2.2. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;  2.3. Phiếu biểu quyết;  2.4. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;  2.5. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.  3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi cho VTRI chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần sở hữu và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.  4. Trường hợp người triệu tập Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến khoản 3 của Điều này trong các trường hợp sau đây:  4.1. Kiến nghị không được gửi đúng thời hạn;  4.2. Vào thời điểm kiến nghị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không nắm giữ từ đủ năm (05)% cổ phần phổ thông trở lên;  4.3. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.  5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. | Chi tiết hơn theo quy định tại Điều 140, 142, 143 Luật Doanh nghiệp |
| 22 | **Điều 34.** **Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**  1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất năm mươi mốt (51)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. | **Điều 16. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**  1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. | Điều chỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp |
| 23 | **Điều 35. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**  Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:  1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký Cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại điện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.  2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:  2.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một (01) người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;  2.2 Trong trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;  2.3 Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;  2.4 Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của Pháp luật hiện hành.  3. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.  4. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.  5. Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.  6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:  6.1 Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;  6.2 Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.  7. Chủ tọa có quyền hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:  7.1 Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;  7.2 Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các Cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;  7.3 Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.  Thời gian hoãn hoặc tạm dừng tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.  8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; Cách thức bầu người thay thế chủ tọa được thực hiện theo trình tự tại khoản 2 Điều này. Tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành. | **Điều 17. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**  Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:  1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký Cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại điện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.  2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:  2.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một (01) người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;  2.2 Trong trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;  2.3 Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;  2.4 Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.  3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.  4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.  5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.  6. Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.  7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:  7.1 Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;  7.2 Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.  8. Chủ tọa có quyền hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:  8.1 Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;  8.2 Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các Cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;  8.3 Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.  Thời gian hoãn hoặc tạm dừng tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.  9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc. Tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành. | Điều chỉnh, sắp xếp nội dung theo quy định Điều 146 Luật Doanh nghiệp |
| 24 | **Điều 36. Điều kiện để nghị quyết được thông qua**  1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với tỷ lệ phần trăm tổng số phiếu biểu quyết ít nhất là: 65%.  1.1 Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;  1.2 Định hướng phát triển công ty;  1.3 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát  1.4 Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;  1.5 Tổ chức lại, giải thể VTRI.  2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số Cổ đông đại diện cho ít nhất năm mươi mốt (51)% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.  3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ của VTRI. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí trong quy chế bầu cử. Trường hợp không có đủ số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng.  4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện ít nhất năm mươi mốt (51)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành. | **Điều 18. Điều kiện để nghị quyết được thông qua**  1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 Điều này và khoản 1 Điều 14 Điều lệ này:  1.1. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;  1.2. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;  1.3. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;  1.4. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;  1.5. Tổ chức lại, giải thể Công ty.  2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 Điều này và khoản 1 Điều 14 Điều lệ này:  3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ của VTRI. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.  4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.  5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. | Sửa đổi phù hợp với Điều 148 Luật Doanh nghiệp (được sửa đổi bổ sung tại khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15) |
| 25 | **Điều 37. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**  1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được lập bằng tiếng Việt, được Chủ tọa và thư ký ký xác nhận, được lập và lưu trữ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.  2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho tất cả các Cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Việc gửi biên bản có thể được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của VTRI.  3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản | **Điều 19. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**  1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:  1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;  1.2. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;  1.3. Chương trình và nội dung cuộc họp;  1.4. Họ, tên chủ tọa và thư ký;  1.5. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;  1.6. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;  1.7. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;  1.8. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;  1.9. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bàn họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.  2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.  3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.  4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.  5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. | Sửa đổi theo Điều 150 Luật Doanh nghiệp |
| 26 | **Điều 38. Hiệu lực của các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**  2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm (100)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định. | **Điều 20. Hiệu lực của các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**  2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm (100)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.  Trường hợp Cổ đông, nhóm Cổ đông yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài huỷ bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 22 Điều lệ này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định huỷ bỏ nghị quyết đó của Toà án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của cơ quan có thẩm quyền. | Bổ sung thông tin theo quy định tại Điều 152 Luật Doanh nghiệp |
| 27 | **Điều 39. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**  1. Ngoại trừ các nội dung, vấn đề cần phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 36 Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.  2. Các nghị quyết có thể được các Cổ đông đại diện cho ít nhất năm mươi mốt (51)% tổng số phiếu có quyền biểu quyết thông qua bằng văn bản theo các thủ tục quy định tại Điều này.  3. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Việc lập Danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 34 của Điều lệ này.  Hội đồng quản trị gửi phiếu lấy ý kiến đến tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của Cổ đông. Đồng thời, Hội đồng quản trị đăng phiếu lấy ý kiến trên trang thông tin điện tử của VTRI hoặc, khi xét thấy cần thiết, trên báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết được đăng tải lên trang thông tin điện tử của VTRI. Hội đồng quản trị phải gửi các tài liệu trên cho Cổ đông nếu Cổ đông có yêu cầu.  4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:  4.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của VTRI;  4.2 Mục đích lấy ý kiến;  4.3 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;  4.4 Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;  4.5 Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;  4.6 Thời hạn phải gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về VTRI;  4.7 Nơi, cách thức tải dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được đăng tải trên trang thông tin điện tử của VTRI;  4.8 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật của VTRI.  5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến VTRI theo một trong các hình thức sau đây:  5.1 Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của Người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về VTRI phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;  5.2 Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về VTRI qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.  Các phiếu lấy ý kiến gửi về VTRI sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.  6. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc của Cổ đông không giữ chức vụ quản lý của VTRI. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:  6.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của VTRI;  6.2 Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;  6.3 Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;  6.4 Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;  6.5 Các vấn đề đã được thông qua;  6.6 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của VTRI, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.  Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.  7. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của VTRI trong vòng một (01) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.  8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của VTRI.  9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. | **Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**  1. Mọi quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản, trừ các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:  1.1. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;  1.2. Tổ chức lại, giải thể VTRI.  2. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của VTRI.  3. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Danh sách Cổ đông để gửi phiếu lấy ý kiến được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi phiếu xin ý kiến.  Hội đồng quản trị gửi phiếu lấy ý kiến đến tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn Cổ đông phải gửi lại phiếu lấy ý kiến bằng phương bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ đông đã đăng ký. Đồng thời, Hội đồng quản trị đăng phiếu lấy ý kiến trên trang thông tin điện tử của VTRI. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết được đăng tải lên trang thông tin điện tử của VTRI. Hội đồng quản trị phải gửi các tài liệu trên cho Cổ đông nếu Cổ đông có yêu cầu  4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:  4.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của VTRI;  4.2. Mục đích lấy ý kiến;  4.3. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;  4.4. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;  4.5. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;  4.6. Thời hạn phải gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về VTRI;  4.7. Nơi, cách thức tải dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được đăng tải trên trang thông tin điện tử của VTRI;  4.8. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.  5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến VTRI theo một trong các hình thức sau đây:  5.1. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về VTIR phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;  5.2. Gửi fax hoặc thư điện tử (email): Phiếu lấy ý kiến gửi về VTRI qua fax hoặc thư điện tử (email) phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.  5.3. Các phiếu lấy ý kiến gửi về VTRI sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử (email) là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.  6. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc của Cổ đông không giữ chức vụ quản lý của VTRI. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:  6.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của VTIR;  6.2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;  6.3. Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;  6.4. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;  6.5. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;  6.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.  Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.  7. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của VTIR trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.  8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của VTIR.  9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. | Điều chỉnh nội dung theo quy định tại Điều 149 Luật doanh nghiệp |
| 28 | Điều 40. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông | **Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông** |  |
|  | CHƯƠNG VII  HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VTRI | | |
| 29 | **Điều 41. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**  1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên.  2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.  3. Cơ cấu thành viên hội đồng quản trị như sau: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.  4. Thành viên của Hội đồng quản trị phải có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý Doanh nghiệp theo qui định của luật Doanh nghiệp;  5. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị: Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ năm (5)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng (không áp dụng đối với Đại hội đồng cổ đông lần đầu) có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.  Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.  6. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:  6.1 Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị Pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;  6.2 Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của VTRI;  6.3 Thành viên đó bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có hành vi vi phạm Pháp luật và bị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tạm giam, tạm giữ;  6.4 Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;  6.5 Thành viên bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.  7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.  8. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. | **Điều 23. Tư cách, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**  1. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị  1.1. Thành viên Hội đồng quản trị là những người không thuộc đối tượng quy định tại  theo khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;  1.2. Có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty hoặc có kinh nghiệm quản trị kinh doanh;  1.3. Có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.  2. Thành phần và nhiệm kỳ  2.1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên;  2.2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên là thành viên không điều hành;  2.3. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm và có thể được Đại hội đồng cổ đông bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc;  2.4. Trường hợp bầu bổ sung (do tăng số lượng thành viên Hội đồng quản trị) hoặc bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm thì thời hạn nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế bằng thời gian còn lại của nhiệm kỳ năm (05) năm của thành viên khác;  2.5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị khi bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:  a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của khoản 1 Điều này, Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;  b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của VTIR. Hội đồng quản trị tiếp nhận, thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên đó không được quyền thảo luận và biểu quyết các quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày ký đơn từ chức;  c) Thành viên đó bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có hành vi vi phạm Pháp luật và bị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tạm giam, tạm giữ;  d) Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;  đ) Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;  2.6. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng thành viên Hội đồng quản trị tại nghị quyết có hiệu lực của Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp quy định tại điểm 4.2 khoản 4 Điều 12 của Điều lệ này. | Sửa cho phù hợp với Điều 154, Điều 155 Luật Doanh nghiệp; bỏ quy định về công ty đại chúng (khoản 7) |
| 30 | **Điều 42. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**  1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.  2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.  3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê duyệt:  3.1 Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;  3.2 Các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị 35% tổng giá trị tài sản trở xuống tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất đã được kiểm toán của VTRI. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;  3.3 Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ;  3.4 Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; phê duyệt Quy chế quản lý nội bộ và các quy chế khác của Công ty theo đề nghị của Giám đốc;  3.5 Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;  3.6 Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;  3.7 Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;  3.8 Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;  3.9 Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối Giám đốc và người quản lý khác do HĐQT phê chuẩn; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);  3.10 Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;  3.11 Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;  3.12 Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;  3.13 Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quản lý vốn của Công ty và chi nhánh của công ty (CTCP- viện nghiên cứu Dệt may tại TP.HCM); quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;  3.14 Cử hoặc thuê người có đủ năng lực, trình độ, đạo đức, sức khỏe đáp ứng được yêu cầu công việc làm Giám đốc Công ty, Phó Giám đốc Công ty;  3.15 Phê duyệt phương án tổ chức, sản xuất kinh doanh của Chi nhánh theo đề nghị của Giám đốc Công ty;  3.16 Kiểm tra, giám sát Chủ tịch, các thành viên Hội đồng thành viên và Giám đốc các công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, và người đại diện phần vốn góp của Công ty trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.  4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê duyệt:  4.1 Thành lập chi nhánh mới hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;  4.2 Thành lập các công ty con của Công ty;  4.3 Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 167 và điều 138 Luật Doanh nghiệp năm 2020 phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thâu tóm công ty và liên doanh);  4.4 Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;  4.5 Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;  4.6 Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% vốn điều lệ hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;  4.7 Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;  4.8 Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;  4.9 Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;  4.10 Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;  4.11 Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.  5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.  6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.  7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.  Trường hợp thành viên HĐQT đồng thời là người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cử làm đại diện một phần hoặc toàn bộ phần vốn của Nhà nước tại Công ty và làm thành viên chuyên trách tại Công ty được hưởng tiền lương, phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng và các quyền lợi khác (nếu có) do Công ty chi trả theo kết quả quản lý, điều hành Công ty, kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh, theo quy chế trả lương, thưởng của Công ty và được vận dụng theo quy định tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước; và Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao Động TBXH hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty CP, vốn góp chi phối của Nhà nước.  8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.  9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.  10. Các thành viên Hội đồng quản trị và những Người có liên quan của họ khi thực hiện giao dịch cổ phần của VTRI phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin về giao dịch này theo quy định của Pháp luật.  11. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. | **Điều 24. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**  1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.  2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.  3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê duyệt:  3.1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;  3.2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;  3.3. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;  3.4. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;  3.5. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Quyết định giá cổ phần mua lại theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;  3.6 Trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng theo quy định Điều 167 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thẩm quyền:  a. Thông qua quyết định đầu tư dự án, mua sắm, bán/nhượng bán/thanh lý tài sản có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính riêng gần nhất được kiểm toán của VTRI;  b. Thông qua quyết định đầu tư ra ngoài Công ty và chuyển nhượng các khoản đầu tư ra ngoài Công ty có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính riêng gần nhất được kiểm toán của VTRI;  c. Thông qua hạn mức chi tiêu phục vụ sản xuất kinh doanh thường xuyên với giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên. Quyết định đối với giá trị chi tiêu từ 3 tỷ đồng trở xuống vượt quá Kế hoạch đã được duyệt nhưng phải đảm bảo không ảnh hưởng đến kế hoạch lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông quyết định. Đối với khoản chi vượt quá Kế hoạch đã được duyệt có giá trị trên 3 tỷ đồng, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua;  d. Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;  3.7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;  3.8. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối Tổng giám đốc và người quản lý khác do Hội đồng quản trị phê duyệt; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý khác do Hội đồng quản trị phê duyệt;  3.9. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;  3.10. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;  3.11. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;  3.12. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;  3.13. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;  3.14. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;  3.15. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. | Điều chỉnh theo quy định tại Điều 153 Luật Doanh nghiệp.  Cụ thể thẩm quyền quyết định dự án đầu tư/ chuyển nhượng dự án, mua sắm, thanh lý/nhượng bán tài sản theo thẩm quyền NDD phải xin ý kiến SCIC theo Quyết định 62 |
| 31 | **Điều 43. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị**  1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện pháp luật không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty.  2. Tiêu chuẩn làm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty: Ngoài các tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trình độ Thạc sỹ trở lên và có kinh nghiệm ít nhất năm (05) năm làm cán bộ quản lý, điều hành tại các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.  3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ toạ Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.  4. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ cụ thể sau:  4.1 Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT; chủ toạ họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;  4.2 Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; có quyền đình chỉ các quyết định của Giám đốc trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;  4.3 Trình báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm toán và các báo cáo của HĐQT tại cuộc họp ĐHĐCĐ;  4.4 Phụ trách chỉ đạo mọi hoạt động của Công ty. Trong thực thi các nhiệm vụ này, Chủ tịch HĐQT sử dụng chức danh là Chủ tịch Công ty, người đại diện pháp luật để ký các văn bản về hoạt động khoa học công nghệ và các văn bằng đào tạo, các hợp đồng kinh tế. Trong các trường hợp cụ thể Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền bằng văn bản cho Giám đốc hoặc Phó Giám đốc và các cán bộ quản lý để ký kết các văn bản.  4.5 Các quyền và nhiệm vụ khác qui định tại Điều lệ này và theo Luật doanh nghiệp.  5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;  6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày;  7. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. | **Điều 25. Chủ tịch, Phó chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị**  1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một (01) Chủ tịch, một (01) Phó Chủ tịch (nếu thấy cần thiết).  Ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Điều lệ này, Chủ tịch Hội đồng quản trị có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty hoặc có kinh nghiệm quản trị kinh doanh tối thiểu 05 năm. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.  2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị:  2.1 Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;  2.2. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị;  2.3. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;  2.4. Theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;  2.5. Kiến nghị lên Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc. Thay mặt Hội đồng quản trị ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc (nếu có);  2.6. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải đệ trình báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của VTRI, báo cáo kiểm toán của Kiểm toán viên và báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị lên các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;  2.7. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này;  3. Trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị đều vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền bằng văn bản sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Toà án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số (trên 50%) thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.  4. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm hoặc bị miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị vì bất cứ lý do nào, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn bảy (7) ngày kể từ ngày Hội đồng quản trị nhận đơn từ chức hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm.  5. Trong trường hợp Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị thì Hội đồng quản trị có thể quyết định việc bầu hoặc không bầu người thay thế. Trong trường hợp quyết định bầu người thay thế, Hội đồng quản trị phải thực hiện trong thời hạn bảy (7) ngày kể từ ngày Hội đồng quản trị nhận được đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm. | Điều chỉnh theo quy định Điều 154, 155, 156 Luật Doanh nghiệp  Việc đề cử, ứng cử quy định chung cho thành viên HĐQT, thành viên BKS tại khoản 4 Điều 10 dự thảo Điều lệ này |
| 32 | **Điều 44. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**  1. Họp bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị: Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.  2. Cuộc họp định kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào cho là cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.  3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:  3.1 Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;  3.2 Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;  3.3 Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị.  4. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của VTRI hoặc những địa chỉ khác tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo đề xuất của Chủ tịch Hội đồng quản trị và sự nhất trí của Hội đồng quản trị.  5. Thông báo và chương trình họp: Các cuộc họp sẽ phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị bảy (07) ngày trước khi tổ chức họp; các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực trở về trước. Thông báo về cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập thành văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ về chương trình, thời gian, địa điểm họp và phải kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại VTRI.  6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.  7. Biểu quyết:  7.1 Trừ quy định tại điểm 7.2 khoản 7 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết.  7.2 Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc Người có liên quan của thành viên đó có lợi ích đáng kể so với lợi ích có được từ việc sở hữu cổ phiếu, trái phiếu hoặc chứng khoán khác của VTRI; hoặc lợi ích này liên quan đến những trách nhiệm của thành viên đó mâu thuẫn hay có thể mâu thuẫn với lợi ích của VTRI. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ quyết định nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.  Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch được quy định tại Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.  7.3 Theo quy định tại điểm 7.2 khoản 7 Điều này, trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị chung thẩm và là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.  8. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng sẽ thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.  9. Công khai lợi ích: Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ phải công khai bản chất, nội dung (kể cả các sửa đổi, bổ sung) các hợp đồng hoặc giao dịch thuộc trách nhiệm được đề cập tại Điều lệ này. Việc chấp thuận hay không cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó được các thành viên còn lại quyết định theo cách thức biểu quyết công khai.  10. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của Hội đồng quản trị theo phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc.  11. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Một cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:  11.1 Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;  11.2 Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.  Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.  Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp được tổ chức và tiến hành theo quy định trên sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.  12. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:  Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.  Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một (01) thành viên trở lên ký.  13. Biên bản cuộc họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Các biên bản được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.  14. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động và quyết định cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban bao gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều người khác bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra tùy từng thời điểm. Những quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng:  14.1 Phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa (1/2) tổng số thành viên của tiểu ban;  14.2 Nghị quyết của tiểu ban đó sẽ không có hiệu lực nếu đa số thành viên có mặt tại cuộc họp thông qua nghị quyết đó không phải là thành viên Hội đồng quản trị.  15. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phần chiếm tỷ lệ nhất định/vốn điều lệ được đề cử thành viên Hội đồng quản trị. | **Điều 26. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**  1. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác theo quy định tại Điều này. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.  2. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.  3. Cuộc họp định kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào cho là cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.  4. Cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận:  4.1. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người quản lý khác;  4.2. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;  4.3. Ban kiểm soát;  4.4. Theo yêu cầu của Kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để thảo luận về báo cáo kiểm toán và tình hình VTRI.  Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản này. Nếu Chủ tịch không triệu tập cuộc họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với VTRI. Những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị để triệu tập họp Hội đồng quản trị.  5. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của VTRI hoặc những địa chỉ khác tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo đề xuất của Chủ tịch Hội đồng quản trị và sự nhất trí của Hội đồng quản trị.  6. Thông báo và chương trình họp: Các cuộc họp sẽ phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị năm (05) ngày làm việc trước khi tổ chức họp. Thông báo về cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập thành văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ về chương trình, thời gian, địa điểm họp và phải kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại VTRI.  7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.  8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:  8.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;  8.2. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;  8.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;  8.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;  Trường hợp gửi thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc và được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.  9. Biểu quyết:  9.1. Trừ quy định tại điểm 9.2 khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;  9.2. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền tham dự họp sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc Người có liên quan của thành viên đó có lợi ích đáng kể và/hoặc lợi ích đó mâu thuẫn hay có thể mâu thuẫn với lợi ích của VTRI;  Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch được quy định tại Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng hoặc giao dịch đó.  9.3. Theo quy định tại điểm 9.2 khoản này, trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó có liên quan, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.  10. Biểu quyết thông qua các quyết định: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trên năm mươi (50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng sẽ thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền tham gia biểu quyết tại cuộc họp.  11. Công khai lợi ích: Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ phải công khai bản chất, nội dung (kể cả các sửa đổi, bổ sung) các hợp đồng hoặc giao dịch thuộc trách nhiệm được đề cập tại Điều lệ này. Việc chấp thuận hay không cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó được các thành viên còn lại quyết định theo cách thức biểu quyết công khai.  12. Nghị quyết, quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:  Nghị quyết, quyết định theo hình thức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết (trên 50%). Nghị quyết, quyết định này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết, quyết định được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.  Nghị quyết, quyết định có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một (01) thành viên trở lên ký.  13. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị bằng hình thức khác:  Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có thể được thông qua bằng hình thức các thành viên Hội đồng quản trị ký xác nhận tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết (trên 50%) vào tờ trình Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc phân cấp, ủy quyền trình Hội đồng quản trị. Ý kiến của từng thành viên Hội đồng quản trị có thể được thành viên đó ghi bằng tay bên cạnh chữ ký và có giá trị ràng buộc đối với thành viên đó. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua bằng hình thức quy định tại khoản này có hiệu lực và giá trị pháp lý như được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.  14. Biên bản cuộc họp:  14.1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:  a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;  b) Thời gian, địa điểm họp;  c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;  d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;  đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;  e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;  f) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;  g) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;  h) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại điểm 14.2 Điều này.  14.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Các biên bản được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.  Trường hợp Chủ toạ, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định thì biên bản này có hiệu lực.  14.3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. | Sửa đổi theo quy định tại Điều 157, 158 Luật Doanh nghiệp |
|  | CHƯƠNG VIII  **BAN KIỂM SOÁT** | | |
| 33 | **Điều 45.** **Ban kiểm soát**  1. Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là các trách nhiệm và quyền hạn sau đây:  1.1 Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác trong việc quản lý và điều hành VTRI; Giám sát việc thực hiện các ý kiến, kiến nghị của cơ quan kiểm toán, các cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.  1.2 Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.  1.3 Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, sáu (06) tháng và hàng quý của VTRI, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của VTRI và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.  1.4 Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của VTRI, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của VTRI bất cứ khi nào nếu thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 27 của Điều lệ này.  1.5 Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 27 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của VTRI.  1.6 Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của VTRI.  1.7 Khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của Người quản lý của VTRI quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.  1.8 Ban kiểm soát được quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của VTRI để thực hiện các nhiệm vụ được giao.  1.9 Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của VTRI.  1.10 Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của VTRI.  2. Trong hoạt động kế toán, kiểm toán của VTRI thì Ban kiểm soát sẽ có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:  2.1 Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VTRI;  2.2 Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;  2.3 Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;  2.4 Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của các cơ quan quản lý của VTRI;  2.5 Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và Điều 171, Điều 172 và Điều 173 của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của Luật Doanh nghiệp.  3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:  Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ năm (05)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng (không áp dụng đối với Đại hội đồng cổ đông lần đầu) có quyền gộp số quyền biểu quyết lại với nhau để đề cử ứng viên để bầu thành viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.  Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty của công ty. Việc Ban kiểm soát giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.  4. Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến các hoạt động của VTRI theo yêu cầu của Ban kiểm soát; và Thư ký VTRI phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho các thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.  5. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.  Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.  6. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:  6.1 Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Chủ tọa cuộc họp;  6.2 Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;  6.3 Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.  7. Tổng mức tiền thù lao của Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của VTRI.  8. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát nhưng không được phép họp ít hơn hai (02) lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.  9. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, có nhiệm kỳ tối đa là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.  10. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên  10.1 Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:  a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật;  b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;  c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;  d) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.  10.2 Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:  a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;  b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật này và Điều lệ công ty;  c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. | Điều 27. Ban kiểm soát  1. Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 và Điều 173 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là các trách nhiệm và quyền hạn sau đây:  1.1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty và Người quản lý khác trong việc quản lý và điều hành VTRI; Giám sát việc thực hiện các ý kiến, kiến nghị của cơ quan kiểm toán, các cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;  1.2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;  1.3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, sáu (06) tháng và hàng quý của VTRI, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của VTRI và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên; rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;  1.4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của VTRI, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của VTRI bất cứ khi nào nếu thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này;  1.5. Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của VTRI;  1.6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của VTRI;  1.7. Khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của Người quản lý của VTRI quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;  1.8. Ban kiểm soát được quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của VTRI để thực hiện các nhiệm vụ được giao;  1.9. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của VTRI;  1.10. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của VTRI.  2. Trong hoạt động kế toán, kiểm toán của VTRI thì Ban kiểm soát sẽ có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:  2.1 Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VTRI;  2.2 Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;  2.3 Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;  2.4 Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của các cơ quan quản lý của VTRI;  2.5 Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và Điều 171, Điều 172 và Điều 173 của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.  3. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty và Người quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến các hoạt động của VTRI theo yêu cầu của Ban kiểm soát; và Thư ký VTRI phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho các thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.  4. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.  Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điều 169 của Luật Doanh nghiệp và không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VTRI trong 03 năm liền trước đó.  Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của VTRI.  Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm cho đến khi Kiểm soát viên mới được bầu và nhận nhiệm vụ. Trường hợp bầu bổ sung (do tăng số lượng Kiểm soát viên) hoặc bầu thay thế Kiểm soát viên bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm thì thời hạn nhiệm kỳ của Kiểm soát viên được bầu bổ sung hoặc thay thế bằng thời gian còn lại của nhiệm kỳ năm (05) năm của Kiểm soát viên trước đó.  5. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:  5.1 Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Chủ tọa cuộc họp;  5.2 Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty và Người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;  5.3 Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.  6. Tổng mức tiền thù lao của Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của VTRI.  7. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát nhưng không được phép họp ít hơn hai (02) lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.  8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên  8.1 Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:  a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật;  c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;  8.2 Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:  a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;  b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;  c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;  d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. | Sửa đổi theo quy định tại Điều 170, 171. 173, 174 Luật Doanh nghiệp  Bỏ quy định về đề cử, ứng cử thành viên BKS (khoản 3): do quy định tập trung tại khoản 4 Điều 10 dự thảo Điều lệ này. |
|  | CHƯƠNG IX  **GIÁM ĐỐC CÔNG TY, BỘ MÁY QUẢN LÝ VÀ THƯ KÝ** VTRI | CHƯƠNG VII  BỘ MÁY QUẢN LÝ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY |  |
| 34 | **Điều 46. Tổ chức bộ máy quản lý VTRI**  3. Theo đề nghị của Giám đốc Công ty và sự chấp thuận của Hội đồng quản trị (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông), VTRI sẽ có một số lượng nhất định các vị trí Người quản lý cần thiết và thích hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý VTRI do Hội đồng quản trị quyết định tùy từng thời điểm. Người quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của VTRI đạt được các mục tiêu đề ra. | **Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý**  Bỏ khoản 3 | Do Dự thảo Điều lệ đang quy định ngoài thành viên HĐTV, TGĐ, Phó TGĐ, GĐ chi nhánh và KTT thì không có người quản lý khác. |
| 35 | **Điều 47. Giám đốc Công ty**  1. Bổ nhiệm:  1.1 Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Giám đốc Công ty và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.  1.2 Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc Công ty:  a, Có đủ năng lực, hành vi và không thuộc những đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật;  b, Có trình độ từ Đại học trở lên và cóít nhất năm (05) năm kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành nghề hoạt động chính của VTRI.  2. Nhiệm kỳ:  Nhiệm kỳ của Giám đốc Công ty không quá ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.  3. Quyền hạn và nhiệm vụ:  Giám đốc Công ty có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:  3.1 Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; Kế hoạch nghiên cứu khoa học; Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;  3.2 Quyết định các vấn đề, không cần có ý kiến của Hội đồng quản trị bao gồm việc thay mặt VTRI ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, hợp đồng nghiên cứu khoa học, giao dịch quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp khi được người đại diện theo pháp luật ủy quyền; Được sử dụng toàn bộ các nguồn lực của Công ty để tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của VTRI theo những thông lệ quản lý tốt nhất;  3.3 Đề nghị về số lượng và nhân sự các vị trí Người quản lý mà VTRI cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết và xin ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định mức lương, tiền thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người quản lý; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong VTRI, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;  3.4 Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Giám đốc Công ty phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp;  3.5 Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;  3.6 Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của VTRI;  3.7 Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của VTRI (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của VTRI theo kế hoạch kinh doanh. Bảng dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ được trình cho Hội đồng quản trị để thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của VTRI do Hội đồng quản trị ban hành;  3.8 Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;  3.9 Giám đốc Công ty sẽ là người đại diện cho VTRI để thực hiện việc tuyển dụng và ký kết các hợp đồng lao động;  3.10 Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình thì Giám đốc Công ty có thể ủy quyền cho cá nhân và/hoặc tổ chức khác thực hiện các công việc liên quan đến nhiệm vụ và quyền hạn của mình tùy theo nhu cầu vào từng thời điểm;  3.11 Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của VTRI theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ này và các quy chế của VTRI do Hội đồng quản trị ban hành, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với VTRI. Nếu điều hành trái với quy định trên mà gây thiệt hại cho VTRI thì Giám đốc Công ty phải chịu trách nhiệm trước pháp luật (nếu có) và phải bồi thường thiệt hại cho VTRI;  3.12 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ VTRI và Pháp luật.  4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các Cổ đông:  Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.  5. Bãi nhiệm, miễn nhiệm:  Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc Công ty theo hình thức biểu quyết quy định tại khoản 8 Điều 44 của Điều lệ này và bổ nhiệm một Giám đốc Công ty mới thay thế.  6. Giám đốc Công ty có thể bị Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:  6.1 Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của VTRI;  6.2 Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;  6.3 Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của VTRI;  6.4 Vi phạm Pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.  6.5 Có đơn xin từ chức được Hội đồng quản trị chấp thuận.  7. Thư ký Công ty.  Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:  7.1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.  7.2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.  7.3. Tham dự các cuộc họp.  7.4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.  7.5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.  Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. | **Điều 29. Tổng Giám đốc Công ty**  1. Bổ nhiệm:  1.1 Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc Công ty và sẽ ký hợp đồng lao động theo quy định pháp luật lao động;  1.2 Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc Công ty:  a) Có đủ năng lực, hành vi và không thuộc những đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;  b) Có trình độ từ Đại học trở lên.  c) Có ít nhất ba (03) năm kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành nghề hoạt động chính của VTRI.  d) Không được là người có quan hệ gia đình với người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của VTRI, người đại diện phần vốn của cổ đông tại VTRI;  2. Nhiệm kỳ:  Nhiệm kỳ của Giám đốc Công ty không quá ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm.  3. Quyền hạn và nghĩa vụ:  3.1. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của VTRI mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt VTRI ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại; ký các văn bản về hoạt động khoa học công nghệ và các văn bằng đào tạo;  3.2. Đề nghị về số lượng và nhân sự các vị trí Người quản lý mà VTRI cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết và xin ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định mức lương, tiền thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người quản lý; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong VTRI, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;  3.3. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;  3.4. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của VTRI;  3.6. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của VTRI (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của VTRI theo kế hoạch kinh doanh. Bảng dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ được trình cho Hội đồng quản trị để thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của VTRI do Hội đồng quản trị ban hành;  3.7. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;  3.8. Tổng Giám đốc Công ty sẽ là người đại diện cho VTRI để thực hiện việc tuyển dụng và ký kết các hợp đồng lao động;  3.9. Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình thì Tổng Giám đốc Công ty có thể ủy quyền cho cá nhân và/hoặc tổ chức khác thực hiện các công việc liên quan đến nhiệm vụ và quyền hạn của mình tùy theo nhu cầu vào từng thời điểm;  3.10. Các quyền hạn và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.  4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các Cổ đông: Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.  5. Bãi nhiệm, miễn nhiệm:  Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên (trên 50%) Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành (thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc không được tham gia biểu quyết nội dung này) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế  6. Tổng Giám đốc có thể được Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:  6.1. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của VTRI;  6.2. Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;  6.3. Có đơn xin thôi việc;  6.4. Hợp đồng lao động hết hạn hoặc nghỉ hưu theo chế độ và VTRI không có nhu cầu ký lại hợp đồng lao động.  7. Tổng Giám đốc có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:  7.1. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của VTRI;  7.2. Vi phạm Pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động. | Điều chỉnh theo quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp.  Điều chỉnh tiêu chuẩn Tổng giám đốc (từ 5 năm kinh nghiệm còn 3 năm kinh nghiệm)  Tách quy định Thư ký công ty thành Điều riêng  Đưa quy định điểm 3.4 Điều lệ hiện hành của VTRI sang Quy chế hoạt động của HĐQT. |
| 36 |  | **Điều 30. Thư ký Công ty**  1. Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.  2. Thư ký Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VTRI.  3. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:  3.1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa VTRI và Cổ đông;  3.2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;  3.3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;  3.4. Tham dự và lập biên bản các cuộc họp, đảm bảo các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của Pháp luật;  3.5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên; là đầu mối liên hệ với các bên có quyền lợi liên quan;  3.6. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của VTRI;  3.7. Bảo mật thông tin theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này;  3.8. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. | Tách quy định về Thư ký công ty từ Điều 47 Điều lệ hiện tại của VTRI. |
|  | **CHƯƠNG X**  **NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC** | **CHƯƠNG VIII**  **TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC** |  |
| 37 | **Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**  4. Theo Điều 167 Luật Doanh nghiệp, một hợp đồng hoặc giao dịch giữa VTRI và các đối tượng sau đây:  4.1 Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông sở hữu trên năm (5)% tổng số cổ phần phổ thông của VTRI và Người có liên quan của họ; hoặc  4.2 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ; hoặc  4.3 Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; doanh nghiệp mà Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên năm (5)% Vốn điều lệ; Sẽ không bị vô hiệu hóa, nếu:  Đối với các hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35)% hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của VTRI ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất đã được kiểm toán và nội dung của hợp đồng hoặc những nội dung chủ yếu của giao dịch đó đã được thông báo và đã được Hội đồng quản trị ra quyết định chấp thuận và cho phép thực hiện;  Đối với các hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị lớn hơn ba mươi lăm (35)% hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên có giá trị lớn hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản của VTRI ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất đã được kiểm toán và các hợp đồng hoặc giao dịch khác không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và những nội dung của hợp đồng hoặc những nội dung chủ yếu của giao dịch đó đã được thông báo và đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và cho phép thực hiện.  Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, Người quản lý khác và Người có liên quan củahọ không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của VTRI hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.  5. Không một thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, Người quản lý khác hay Người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của VTRI vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ đông khác lại không biết những thông tin này.  6. Về trách nhiệm bồi thường trong trường hợp thực hiện giao dịch chưa được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị chấp thuận: hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của Pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 4 Điều này. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho VTRI các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó. | **Điều 31. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**  Bỏ quy định khoản 4 | Quy định về hợp đồng, giao dịch với người có liên quan tại điểm 3.6 khoản 3 Điều 24 dự thảo Điều lệ đã được tham chiếu trực tiếp Điều 167 Luật Doanh nghiệp. |
| 38 | **Điều 49.** **Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường** | **Điều 32. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường** |  |
|  | **CHƯƠNG XI**  **QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ VTRI** | |  |
| 39 | **Điều 50.** **Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**  1. Mọi Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cập trong khoản 3 Điều 27 của Điều lệ này đều có quyền, trực tiếp hoặc thông qua luật sư hoặc Người đại diện theo ủy quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách các Cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của VTRI và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Một yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc người đại diện được ủy quyền khác của Cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.  2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác có quyền kiểm tra Sổ đăng ký Cổ đông của VTRI, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của VTRI vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.  3. VTRI sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.  4. Mọi Cổ đông đều có quyền có được một (01) bản Điều lệ VTRI miễn phí. Điều lệ này phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của VTRI | **Điều 33. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**  1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ của VTRI như sau:  a) Cổ đông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ VTRI, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;  b) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ năm (05)% tổng sổ cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của VTRI.  Trường hợp đại diện được ủy quyền của Cổ đông và nhóm Cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông và nhóm Cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.  2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký Cổ đông của VTRI, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của VTRI vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.  3. VTRI sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hằng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.  4. Điều lệ này phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của VTRI. | Tập trung quy định quyền tra cứu thông tin, hồ sơ của Cổ đông theo quy định Điều 115 Luật Doanh nghiệp. |
|  | **CHƯƠNG XII**  **PHÂN CHIA LỢI NHUẬN** | |  |
| 40 | **Điều 51. Cổ tức**  4. VTRI sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.  6. Cổ tức hay những khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu sẽ phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì Cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi VTRI đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của Cổ đông. Nếu VTRI đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp thì VTRI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được VTRI chuyển cho Cổ đông thụ hưởng mà Cổ đông đó không nhận được. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo quy định của Pháp luật.  Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. | **Điều 34. Cổ tức**  Bỏ khoản 4  6. Cổ tức hay những khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu sẽ phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì Cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi VTRI đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của Cổ đông. Nếu VTRI đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp thì VTRI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được VTRI chuyển cho Cổ đông thụ hưởng mà Cổ đông đó không nhận được.  Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. | Do quy định không cụ thể.  Bỏ các quy định theo Luật Chứng khoán đối với công ty đại chúng (VTRI đã được hủy tư cách đại chúng từ ngày 04/4/2022) |
| 41 | **Điều 52. Phân phối lợi nhuận sau thuế** | **Điều 35. Phân phối lợi nhuận sau thuế** |  |
|  | **CHƯƠNG XIII**  **TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN** | **CHƯƠNG XI**  **TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN** |  |
| 42 | **Điều 53. Tài khoản ngân hàng** | **Điều 36. Tài khoản ngân hàng** |  |
| 43 | **Điều 54. Năm tài chính** | **Điều 37. Năm tài chính** |  |
| 44 | **Điều 55.** **Hệ thống kế toán**  1. Hệ thống kế toán được VTRI sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS). | **Điều 38. Chế độ kế toán**  1. Chế độ kế toán được VTRI sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán khác được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận. |  |
|  | **CHƯƠNG XIV**  **BÁO CÁO ĐỊNH KỲ, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG** | **CHƯƠNG XII**  **BÁO CÁO ĐỊNH KỲ, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN** |  |
| 45 | **Điều 56. Báo cáo tài chính hàng năm**  1. VTRI sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo tài chính hàng năm (bao gồm báo cáo của VTRI và báo cáo tài chính hợp nhất) theo quy định của Pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 59 Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho Cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.  Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm một Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của VTRI trong năm tài chính, Bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của VTRI cho đến thời điểm lập báo cáo, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.  2. VTRI phải lập và công bố các báo cáo tài chính năm (báo cáo tài chính hợp nhất) cho cơ quan thuế có thẩm quyền và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.  3. Các báo cáo tài chính kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên) báo cáo năm của VTRI phải được công bố trên website của VTRI. | **Điều 39. Báo cáo tài chính hàng năm**  VTRI sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của Pháp luật.  Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định Pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của VTRI. | Điều chỉnh lại câu chữ  Khoản 2, khoản 3 Điều lệ VTRI hiện hành trùng với quy định về Công bố thông tin (Điều 57 Điều lệ hiện tại) |
| 46 | **Điều 57. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng**  Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được nộp cho Cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp. | **Điều 40. Công bố thông tin**  1. Báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được nộp cho Cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.  2. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán phải được công bố trên website của VTRI. |  |
| 47 | **Điều 58. Báo cáo thường niên** | **Điều 41. Báo cáo thường niên** |  |
|  | **CHƯƠNG XV**  **KIỂM TOÁN VTRI** | |  |
| 48 | **Điều 59. Kiểm toán**  1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên một hoặc một số công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và trong danh sách hàng năm được Bộ Tài chính công bố đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập hiện hành sẽ được lựa chọn để VTRI chỉ định một công ty trong số đó tiến hành các hoạt động kiểm toán đối với VTRI.  2. Các kiểm toán viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho VTRI phải có chứng chỉ hành nghề do Bộ Tài chính cấp. | **Điều 42. Kiểm toán**  1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một hoặc thông qua danh sách một số công ty kiểm toán độc lập trong danh sách hàng năm được Bộ Tài chính công bố đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán để quyết định lựa chọn một trong các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của VTRI cho năm tài chính tiếp theo.  Bỏ quy định khoản 2 | Điều chỉnh lại thông tin tránh trùng lặp. |
|  | **CHƯƠNG XVI**  **CON DẤU** | | |
| 49 | **Điều 60.** **Con dấu** | **Điều 43. Con dấu** |  |
|  | **CHƯƠNG XVII**  **CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ** | | |
| 50 | **Điều 61.** **Chấm dứt hoạt động**  1. VTRI có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:  1.1Toà án có thẩm quyền của Việt Nam tuyên bố VTRI phá sản theo quy định Pháp luật hiện hành;  1.2 Khi các Cổ đông sở hữu ít nhất sáu mươi lăm (65)% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tán thành;  1.3 Các trường hợp khác do Pháp luật quy định.  2. Bất kỳ quyết định nào nhằm giải thể VTRI đều phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quyết định này phải được thông báo lên cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc. | **Điều 44. Chấm dứt hoạt động**  1. VTRI có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:  a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;  b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;  c) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.  2. Bất kỳ quyết định nào nhằm giải thể VTRI đều phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quyết định này phải được thông báo lên cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc. | Điều chỉnh theo quy định về giải thể, chấm dứt hoạt động tại Điều 206, 207, 208, 209, 211, 212, 213 Luật Doanh nghiệp.  Điều kiện thông qua tổ chức lại, giải thể Công ty đã được quy định tại khoản 1 Điều 18 dự thảo Điều lệ. |
| 51 | **Điều 62.** **Thanh lý** | **Điều 45. Thanh lý** |  |
|  | **CHƯƠNG XVIII**  **GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ** | | |
| 52 | **Điều 63.** **Giải quyết tranh chấp nội bộ** | **Điều 46. Giải quyết tranh chấp nội bộ** |  |
|  | CHƯƠNG XIX  TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘ | | |
| 53 | **Điều 64. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội** | **Điều 47. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội** |  |
|  | CHƯƠNG XX  BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ | | |
| 54 | **Điều 65. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ** | **Điều 48. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ** |  |
|  | **CHƯƠNG XXI**  NGÀY HIỆU LỰC | | |
| 55 | **Điều 66.** **Ngày hiệu lực** | **Điều 49. Ngày hiệu lực** |  |